TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **58**/2020/QĐST-HNGĐ	*Long Thành, ngày 02 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Vũ Công N, sinh năm 1989. Địa chỉ thường trú: Tổ C, khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ thường trú: Khu H, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi ở hiện nay: Ấp M, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013 ngày 08/3/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, anh N và chị T có 02 con chung là Vũ Phương V, sinh ngày 12/12/2014 và Vũ Phong L, sinh ngày 28/5/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, anh N và chị T thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn. Ngày 25 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Long Thành đã tiến hành hòa giải đoàn tụ đối với anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T nhưng không thành; các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được

với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan. Thỏa thuận của các đương sự ghi nhận tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh N và chị T có 02 con chung là Vũ Phương V, sinh ngày 12/12/2014 và Vũ Phong L, sinh ngày 28/5/2018. Anh N và chị T thống nhất giao 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T mỗi người chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Phương V, sinh ngày 12/12/2014 và Vũ Phong L, sinh ngày 28/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau khi ly hôn. Tạm thời anh Vũ Công N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Công N được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: Anh Vũ Công N và chị Nguyễn Thị Kim T mỗi người phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự về về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh N và chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003374 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Anh N và chị T đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Ngọc

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].